TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26/02/2020
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơ*n: Chị Lê Phương N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 6, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 12 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Phương N trình bày: Chị và anh Phạm Văn C kết hôn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 12/02/2019 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị ở tổ 6, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam đến khoảng tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên ruống rượu say sau đó chửi bới, đánh đập chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh cãi chửi nhau. Đầu tháng 11/2019 vợ chồng chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh Cường ở thôn C, xã T, huyện Kim Bảng sinh sống nhưng mâu thuẫn của vợ

chồng không được cải thiện. Ngày 24/11/2019 anh C đánh và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở ở tổ 6, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam sinh sống. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2020 bị đơn là anh Phạm Văn C trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị N đã trình bày. Nay chị N xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị Lê Phương N.

Về con chung: Chị N, anh C thống nhất xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Quang M, sinh ngày 28/10/2019, hiện nay cháu đang ở với chi N. Khi ly hôn chị N, anh C cùng có nguyện vọng được nuôi con chung. Không yêu cầu bên kia cấp dưỡng cho con.

Về con riêng; tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Phương N. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Phương N và anh Phạm Văn C. Về con chung: Giao cháu Phạm Quang M, sinh ngày 28/10/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị N. Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sauk hi công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Phương N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với anh Phạm Văn C là bị đơn; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Lê Phương N và anh Phạm Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Phương N và anh Phạm Văn C kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 12/02/2019 tại UBND xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh C thường xuyên uống rượu say sau đó chửi bới, đánh đập chị N. Ngày 24/11/2019 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 6, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam sinh sống. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn, anh C hoàn toàn nhất trí ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 55; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N, anh C có một con chung là cháu Phạm Quang M, sinh ngày 28/10/2019, khi ly hôn chị N và anh C không thoả thuận được người trực tiếp nuôi con nên về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi, mặt khác cháu M đang ở với chị N, chị N có nghề nghiệp ổn định, còn anh C làm nghề tự do nên căn cứ vào quyền lợi, mọi mặt của con, các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần nuôi dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Quang M cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Lê Phương N và anh Phạm Văn C thuận tình ly hôn, nên mỗi bên phải chịu 50% án phí. (Chị N xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh C). Đây là sự tự nguyện của chị N được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Phương N và anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quang M, sinh ngày 28/10/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18

tuổi, lao động tự lập được. Anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị Lê Phương N.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Lê Phương N chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị N xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh C). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0004154 ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị N đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt